

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT

Ngày 11 tháng 6 năm 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân

Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967

2. *Bị đơn kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967

Đều trú tại: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông N, bà M đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N và bà M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V ngày 07/9/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm và nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Ông N xác định không còn tình cảm với bà M nên xin được ly hôn.

* Bà Nguyễn Thị M trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống bà M trình bày phù hợp với lời khai của ông N. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông N hay chửi bới, đánh đập bà và ông N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà M xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 15/9/2017 đến nay. Bà M cho rằng bà vẫn còn tình cảm với ông N, muốn con cái có gia đình toàn vẹn nên không đồng ý ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Ông N và bà M thống nhất trình bày, vợ chồng ông bà có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/10/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/02/1992; Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/9/1993; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 10/9/2001. Các con đều trên 18 tuổi nên ông N, bà M đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

3. Về tài sản: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

** Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình đã cung cấp như sau:*

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M kết hôn do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 07/9/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nghi ngờ lòng chung thủy của nhau.

Nay ông N xin ly hôn bà M, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, vì khả năng đoàn tụ của ông bà rất khó.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 10/9/2001. Các con đều trên 18 tuổi khỏe mạnh, bình thường. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có 02 nhà ở xã S: 01 nhà ở thôn A, 01 nhà ở thôn T. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Bản án số 03/2020/HNGĐ-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/10/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/02/1992; Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/9/1993; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 10/9/2001. Các con đều trên 18 tuổi khỏe mạnh, bình thường, ông N và bà M cũng không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/3/2020, bà Nguyễn Thị M kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông N và cho rằng do bà không đồng ý ly hôn với ông N nên vấn đề nuôi con, tài sản chung bà chưa đề cập đến chứ không phải là không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bà M.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M trình bày: Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng bà vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, chỉ do ông N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và ông N nghi ngờ lòng chung thủy của bà nên đã đánh đập bà nhiều lần và đuổi bà ra khỏi nhà chứ bà không tự ý bỏ đi. Bản thân bà không muốn ly hôn vì luôn nghĩ cho chồng, cho các con có một mái ấm hạnh phúc, xây dựng kinh tế và nuôi dạy các con được chu đáo nên đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông N. Đồng thời, bà M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng, vì tại giai đoạn sơ thẩm bà M không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và hoàn toàn đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà M vì tình cảm giữa ông và bà M không còn, mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc không thể hàn gắn được. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị M làm trong thời hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông N, tuy nhiên thực tế cho thấy giữa ông N và bà M đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do nghi ngờ lòng chung thủy lẫn nhau dẫn đến những cãi vã, đánh đập và sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay nên việc bà M xác định vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc là không

đúng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông N, bà M đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ông N ly hôn với bà M là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/10/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/02/1992; Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/9/1993; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 10/9/2001. Các con chung của ông N và bà M đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh, ông N và bà M không có yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết về vấn đề này là đúng pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Tại các bản tự khai, ông N và bà M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết. Do vậy, việc bà M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng không được xem xét chấp nhận. Bà M có quyền yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2020/HNGĐ-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/10/1989; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/02/1992; Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/9/1993; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 10/9/2001. Các con đều trên 18 tuổi khỏe mạnh, bình thường, ông N và bà M cũng không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003763 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 11/6/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, THA huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA